

QUÁN TÁNH KHÔNG THEO TRUNG QUÁN LUẬN

Nguyễn Thế Đăng

1. Tại sao phải quán?

Sự thực hành chuyển hóa tâm thức của Phật giáo chủ yếu gồm ba pháp: Chỉ (hay Định), Quán, và Chỉ Quán song tu. Ba pháp này dựa vào ba khả năng của tâm thức con người: Sự tập trung (Chỉ), sự quan sát có khi cộng thêm với sự tưởng tượng (Quán), và thực hành cả hai cái ấy cùng một lúc.

Quán là quán sát (to examine), quán tưởng (to visualize), tưởng tượng (to imagine); các học giả Tây phương dịch chữ Quán bằng ba động từ này. Mục đích của thực hành quán là để thấy sự thật vô ngã và vô pháp.

Sanh tử và tạo nghiệp để bị trói buộc vào sanh tử là do thấy có ngã và có pháp. Nói cách khác, sanh tử là do vô minh chấp rằng ngã và pháp là có tự tánh. Thật ra sanh tử là do tâm thức vô minh của chúng ta “quán tưởng” ra là có tự tánh, là có thật, như ví dụ “hư không không có hoa đốm mà thấy ra có hoa đốm”. Vô minh “quán tưởng” ra sanh tử, như Duy thức tông nói sanh tử là do thức “biến”, nghĩa là thức “quán tưởng” ra. Thế nên, để tiêu trừ cái quán tưởng sai lầm và hư vọng này, chúng ta phải quán tưởng ngược trở lại: phải chánh quán rằng tất cả các pháp là vô tự tánh.

Thiền sư Từ Đạo Hạnh (mất năm 1115)
đời Lý nói:

Tác hữu trần sa hữu

Vi không nhất thiết không.

Có thể dịch ra là: Lấy cái thức nông cạn mà nhìn thì thấy tất cả đều có. Lấy trí Bát-nhã sâu xa mà nhìn thì thấy tất cả đều Không. “Bổn lai vô nhất vật”, xưa nay không một vật, như Lục Tổ Huệ Năng nói.

Thế nên quán là quán theo trí huệ để thấy bằng trí huệ: đưa cái thấy lầm của thức là có sanh tử trở lại trí huệ soi thấy sanh tử là không tự tánh. Như thế quán là đưa tướng trở về tánh: đưa giả tướng của sanh tử trở về thật tướng của sanh tử là vô tự tánh, là tánh Không.

Sanh tử là do thức vô minh (biến kế sở chấp tánh) của chúng ta quán tướng thành. Thế nên chúng ta phải quán ngược

lại, để đưa sanh tử trở về thật tướng của nó là vô tự tánh, là tánh Không.

Niềm tin sai lầm rằng mọi sự có tự tánh là những che chướng ngăn cách chúng ta với sự thật. Sự quán tưởng vô tự tánh sẽ làm những che chướng ấy rơi rụng, dần dần để lộ thực tại, sự thật của tất cả các pháp. Những che chướng ấy là phiền não chướng và sở tri chướng, cả hai đều dựng lập trên vô minh căn bản là tin tưởng rằng có tự tánh. Xóa tan phiền não chướng và sở tri chướng đến một mức độ căn bản, chúng ta sẽ thấy trực tiếp tánh Không, vì thực ra tánh Không vẫn luôn luôn hiện diện ở trước mặt chúng ta.

Tánh Không là Nền tảng, Con đường, và Quả của Đại thừa. Tánh Không là nền tảng của tất cả các tông phái Phật giáo. Bốn tông phái chính của Phật giáo Tây

Tặng đều y cứ trên tánh Không, nhất là y cứ vào TrungĐạo của Bồ-tát Long Thọ.

Chẳng hạn, sự quán tưởng Bốn tôn (yidam) trong Kim Cương thừa, từ lúc khởi đầu, chặng giữa, cho đến cuối cùng đều y vào tánh Không. Mọi nghi thức (sadhana) của các tông phái đều tuân thủ trình tự này. Trước tiên, quy y và phát Bồ-đề tâm, rồi từ trong tánh Không quán tưởng đĩa mặt trời, mặt trăng, trên đó quán tưởng Bốn tôn xuất hiện. Quán tưởng Bốn tôn hòa nhập vào mình và tụng chú của Bốn tôn... Phóng ánh sáng đến tất cả chúng sanh... Cuối thời khóa, mọi hiện tượng thế giới và chúng sanh tan hòa vào hành giả với tư cách là Bốn tôn, rồi hành giả tan hòa vào tánh Không và Tịnh Quang. Cuối cùng quán sát tánh

Không cho đến khi không thiên định nữa thì hồi hướng.

Theo các đại sư Tây Tạng, sự quán tưởng sắc thân của Bốn tôn (tức là Báo thân và Hóa thân của Bốn tôn) sẽ khiến hành giả có được Sắc thân, tức là Báo thân và Hóa thân. Đây là sự tích tập công đức. Đồng thời, phải quán tưởng hình tướng ấy là vô tự tánh, tuy xuất hiện nhưng vô tự tánh như những cầu vồng. Sự quán tưởng vô tự tánh hay tánh Không này khiến hành giả có được Pháp thân. Đây là sự tích tập trí huệ. Nói theo ngôn ngữ kinh Bát-nhã, quán sắc để tích tập công đức, và quán “sắc tức thị Không” là để tích tập trí huệ. Cả hai sự tích tập này được làm đồng thời, theo các đại sư Tây Tạng, là một điểm đặc sắc của Kim Cương thừa.

Tánh Không là cái chung nhất của hành giả, với thế giới, với chúng sanh, với Bản tôn và với chư Phật. Tánh Không ấy còn được gọi là Pháp thân.

2. Quán tánh Không theo Trung Quán luận.

Trung Luận, như tất cả các luận khác của Phật giáo, không phải chỉ nằm ở bình diện lý luận và phân tích. Điều quan trọng là những lý luận phân tích là để thực hành. Phật giáo đi theo tiến trình Văn (nghe, đọc), Tư (tư duy, phân tích) và Tu (thực hành). Nếu chỉ xem Trung Luận như một tác phẩm triết học xuất sắc như các học giả Tây phương thường quan niệm thì rất uổng vì đã bỏ mất phần thực hành của nó.

Chính vì để thực hành quán tưởng nên mặc dù nhan đề của ngài Long Thọ là Trung Luận hay Trung Đạo Luận, nhưng về sau, các đại sư Trung Hoa (nhất là Tam Luận tông) lại thêm vào chữ Quán thành Trung Quán luận. Điều này cũng hợp lý vì mỗi phẩm theo bản dịch của Cưu Ma La Thập đều bắt đầu bằng chữ Quán hay Phá. Chẳng hạn phẩm I, Phá Nhân Duyên. Phẩm VII, Quán Tam Tướng. Thật ra tất cả các tác phẩm của ngài Long Thọ đều dùng chữ Pariksa, được David J. Kalupahana dịch là Examination (khảo sát, quán sát). (Xem *Mulamadhyamakakatika of Nagarjuna*, David J. Kalupahana dịch và chú dịch, Delhi 1996).

Trung Quán luận có tất cả 27 phẩm, 27 chủ đề để quán tánh Không.

Ở đây chúng ta chỉ nói sơ lược về một phẩm, Quán về Pháp, phẩm XVIII, gồm có mười hai bài kệ, để tìm hiểu pháp quán của Trung Quán luận. Điều chúng ta có thể ghi nhận là Quán về Pháp, tức là Pháp niệm xứ, một trong Bốn Niệm Xứ (Thân niệm xứ, Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ, và Pháp niệm xứ) chung cho tất cả Phật giáo Nam truyền và Phật giáo Bắc truyền.

Muốn thực hiện pháp quán, chúng ta phải có một mức độ tập trung, một mức độ định căn bản, và định càng sâu thì quán càng có hiệu lực. Định càng sâu thì quán càng rõ.

1. Nếu ngã đồng nhất với năm uẩn, thì ngã là sanh diệt. Nếu ngã khác với năm uẩn thì ngã phải có những tính chất chẳng phải năm uẩn.

Chữ ngã ở đây với chữ tự tánh đồng nghĩa, chúng ta có thể dùng chữ nào cũng được. Nếu cho là có một cái ngã bất biến, thì một là nếu ngã đồng nhất với năm uẩn, ngã phải sanh diệt. Điều này không thể. Hai là ngã khác với năm uẩn thì ngã chẳng dính dáng gì với năm uẩn. Điều này cũng vô lý. Thế nên các pháp không có ngã, không có tự tánh.

2. Không có ngã thì làm sao có cái gì thuộc về ngã? Ngã và cái thuộc về ngã diệt mất nên được gọi là trí vô ngã.

Khi không thấy có ngã và những cái thuộc về ngã, đó là trí huệ thấy được tánh Không, gọi là trí vô ngã.

3. Đạt được trí vô ngã, đó là thật quán. Đạt được trí vô ngã, người ấy là hiếm có.

Thật quán là thấy ngã và pháp đều không có ngã, không có tự tánh. Trí vô ngã này đạt được khi bước vào Kiến Đạo vị hay ThôngĐạt vị. Còn gọi là Con đường Thấy (the path of seeing), theo cách dịch của Tây phương. Trí vô ngã là thấy trực tiếp tánh Không, không còn qua lý luận, phân tích, quan sát, nên còn được gọi là Căn bản trí hay Tự nhiên trí.

4. Ngã thì ở trong, cái thuộc ngã thì ở ngoài, cả hai diệt hết trở thành không có. Các thọc cũng diệt mất, thọ diệt thì thân diệt.

Nếu thân diệt tức là hết thân kiến, thật thấy tánh Không. Hết thân kiến là được Nhập Lưu (vào dòng), tầng bậc đầu tiên trong bốn bậc Thánh của con đường A La Hán. Đó cũng là địa đầu tiên thật thấy

Pháp thân tánh Không trong mười địa của con đường Bồ-tát.

Bằng sự an trụ trong định và quán tưởng liên tục, các phiền não chướng và sở tri chướng lần lần tiêu diệt, để lộ bày tánh Không. Thật thấy trực tiếp tánh Không được Thiên tông gọi là Thấy Tánh (Không). Một khi thật thấy tánh Không người ta sẽ đi tiếp cho đến khi tánh Không trở thành viên mãn. Giai đoạn này Đại thừa nói chung là “Tu Tập vị”, “Con đường thiền định”, hay “sự chứng từng phần Pháp thân”.

5. Do nghiệp và phiền não diệt, thì gọi là Giải Thoát. Nghiệp và phiền não vốn không thật, khi ấy nhập vào tánh Không, các hý luận diệt hết.

Nếu kiên trì đi hết con đường Tu tập hay Con đường Thiền định, người ta đến được Con đường Không còn tu nữa (Vô công dụng đạo), hoàn toàn giải thoát. Sự giải thoát hoàn toàn được cả Nam tông và Bắc tông gọi là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đại thừa còn gọi là Vô sanh pháp nhẫn.

6. Chư Phật hoặc thuyết giảng về ngã, hoặc thuyết giảng về vô ngã. Trong thật tướng của tất cả các pháp, không hề có ngã và chẳng phải ngã.

Trong tánh Không, ngã và chẳng phải ngã chỉ là vọng tưởng hý luận. Như Lục Tổ nói “Bổn lai vô nhất vật”.

7. Thật tướng của tất cả các pháp thì dứt tuyệt ngôn ngữ và tâm hành, không có

sanh không có diệt, vốn tịch diệt như Niết-bàn.

Quán tánh Không là thật tướng của tất cả các pháp, trong đó không có mọi ý niệm, ngôn ngữ, và tâm hành, không sanh cũng không diệt. Không sanh và không diệt vì, “Các pháp không sanh ra từ chính nó, không từ cái khác mà sanh, cũng không từ cả hai, cũng không phải không có nhân, thế nên, biết các pháp vốn vô sanh”, như câu kệ đầu tiên của phẩm I, Quán Nhân Duyên.

8. Hết thấy pháp đều thật, vừa thật vừa chẳng thật, và chẳng phải thật chẳng phải phi thật. Đó là pháp của chư Phật.

Quán tánh Không là tứ cú (bốn câu: có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không), tuyệt bách phi (dứt

hết một trăm cái “chẳng phải”). Lìa tứ cú, tuyệt bách phi là một câu nói thường dùng trong Thiền tông. Chúng ta có thể nhớ đến bài kệ “Câu có, câu không” của vua Trần Nhân Tông.

9. Tự chứng biết, không theo ai, tịch diệt không có hý luận. Không khác, không phân biệt. Đó chính là thật tướng.

Khi quán thấy được tánh Không, thì tánh Không tự hiện bày trước mắt. Tánh Không tự hiện bày khi các tướng sai khác hư vọng đã tịch diệt.

10. Nếu pháp theo duyên sanh, thì pháp ấy không phải đồng nhất cũng không phải khác biệt với nhân. Đó gọi là thật tướng, chẳng đoạn cũng chẳng thường.

Ngộ được thật tướng, nhập được thật tướng, thì thoát khỏi sanh tử, và có thể giúp người khác thoát khỏi sanh tử.

11. Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải thường cũng chẳng phải đoạn. Đó là vị cam lồ mà chư Thế Tôn giáo hóa.

Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, đó là công án hay thoại đầu mà một vị tu Thiền theo phái Lâm Tế phải thấu qua. Thấu qua được thì vượt qua Tổ sư quan hay sanh tử quan.

12. Nếu Phật không xuất hiện ở thế gian, khi Phật pháp đã mất ở thế gian, các vị Bích Chi Phật do xa lìa tướng mà phát sanh trí vô ngã này.

Trung Luận đề phá tất cả các tướng. Khi các tướng đều được xa lìa thì trí huệ Bát-nhã và tánh Không, cả hai hợp nhất, xuất hiện. *Kinh Kim Cương* nói: “Lìa tất cả các tướng gọi là chư Phật”.

Tóm lại, Trung Quán luận, gồm 27 phẩm, là 27 pháp thực hành quán tướng. Do công phu quán tướng hằng ngày, ít nhất chúng sẽ bớt phiền não, bớt khổ đau, vì phiền não và khổ đau là do chấp ngã và chấp pháp. Khi phiền não và khổ đau bớt đến đâu thì tự nhiên có hạnh phúc an lạc đến đó.

Đối với người quyết tâm cao hơn, nghiên cứu (Văn), tư duy (Tu), thực hành (Tu) liên tục, có khi may mắn có được sự hướng dẫn của những thiện tri thức, sẽ có lúc thực sự bước vào con đường đạo,

thấy trực tiếp và sống được tánh Không,
và tiếp tục đi cho rốt ráo, viên mãn.

Chúng ta hãy chấm dứt bằng một đoạn
trong *Bài ca Chứng Ngộ trong Hang
Tịnh Quang của Milarepa*:

Thúc đẩy bởi động lực sâu xa, bao la và
kiên cố

Của Bồ-đề tâm được phát động mạnh mẽ

Tôi nhìn trở đi trở lại vào tánh Không
nền tảng

Với sự chăm sóc dịu dàng không chênh
máng

Thoát ngoài mọi hy vọng và thất vọng.

Hãy biết rằng tôi đã du hành qua con
đường thiền định tốt đẹp này

Giờ đây tôi nhìn nó với quán thấy tỏ
suốt.

Hãy biết tôi đã đến trong xứ sở không
còn phải du hành;

Hãy biết tôi có bột mà không cần xay.

Hãy biết rằng tôi đang xem quang cảnh
không thể thấy.

Hãy biết rằng tôi đã tìm ra quê nhà phúc
lạc.

Hãy biết rằng tôi đã tìm ra người phối
ngẫu thường hằng.

Hãy biết rằng tôi cung cấp lợi lạc cho
chính tôi và những người khác.

Đây là những kho tàng của Milarepa...

Văn Hóa Phật Giáo số 142